

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HS-ST
Ngày: 08-9-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Chính

Bà Hà Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Gia Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2023/TLST – HS ngày 04/8/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HS ngày 28/8/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn C** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam, sinh năm 1999 tại tỉnh L; Nơi cư trú: Tổ 21, phường T, thành phố L, tỉnh L; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Phạm Văn T (tên gọi khác: Phạm Văn Th), sinh năm 1975 và chị Lê Thị C, sinh năm 1975 (đã cải chính hộ tịch ngày 06/9/2021 từ tên Lê Thị H sang tên Lê Thị C); Vợ, con: Chưa có; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án: Có 03 tiền án: Bản án số 44/2018/HSST ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 18/6/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt và đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án, hiện chưa được xóa án tích; Bản án số 33/2019/HSST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g (phạm tội 02 lần trở lên), h (tái phạm) khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 03/8/2021, bị cáo chấp

hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong quyết định khác của bản án, hiện chưa được xóa án tích; Bản án số 20/2022/HS-ST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố L áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 29/10/2022, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong quyết định khác của bản án, hiện chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định số 02 ngày 20/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố L áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng, đến ngày 14/3/2018, C đã chấp hành xong Quyết định, hiện đã được xóa tiền sự. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 10/5/2023 đến ngày 16/5/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L, cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Điều Thị Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản Nậm L, phường Q, thành phố L, tỉnh L (Vắng mặt có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 10/5/2023, Phạm Văn C một mình đi bộ từ nhà ở Tổ 21, phường T, thành phố L đến Bệnh viện đa khoa tỉnh L tìm tài sản sở hữu để trộm cắp. C trèo qua cổng sắt phía sau của Bệnh viện rồi đi đến các phòng bệnh nhân từ tầng 01 đến tầng 03, dãy nhà D của Bệnh viện để tìm tài sản sở hữu. Khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, C đi đến phòng số 301, tầng 3, dãy nhà D (khoa nhi của bệnh viện) thì thấy cửa ra vào phòng 301 đang mở, những người trong phòng đang ngủ. C quan sát thấy tại giường của chị Điều Thị Đ, sinh năm 1988, trú tại bản Nậm L 3, phường Q, thành phố L và cháu Lò Đức Vinh, sinh năm 2017, đang nằm ngủ có 01 chiếc túi xách màu đen bằng vải, có dây đeo của chị Đ để trên đầu giường nên đã lén lút vào phòng lấy trộm chiếc túi xách nói trên đi ra ngoài. Khi đến trước cửa nhà vệ sinh tầng 3, dãy nhà D của Bệnh viện, C lục tìm tài sản bên trong túi xách thì phát hiện có một chiếc ví màu nâu, bên trong ví có 05 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. C lấy toàn bộ số tiền 2.500.000 đồng trong ví cất giấu vào túi quần sau bên phải, sau đó để chiếc ví vào trong túi xách và cầm chiếc túi xách quay lại phòng 301 để trả lại vị trí cũ cho chị Đ. Khi C đi đến trước cửa phòng 301 thì bị chị Trương Thị Hòa, sinh năm 1984, trú tại Tổ 28, phường Đông Phong, là cán bộ điều dưỡng của Bệnh viện phát hiện và tri hô nên C vứt chiếc túi xách xuống cửa phòng 301 rồi bỏ chạy thoát.

Hồi 07 giờ 00 phút ngày 10/5/2023, chị Đ đã đến cơ quan Công an trình báo sự việc. Qua kiểm tra camera an ninh, Cơ quan công an đã phát hiện triệu tập Phạm Văn C lên làm việc. Kết quả đấu tranh làm việc, C thừa nhận đã trộm

cắp tài sản tại phòng 301 của Bệnh viện đa khoa tỉnh L và tự giác giao nộp số tiền 2.500.000 đồng đã lấy trộm của chị Đ cho Cơ quan công an. Sau đó C bị bắt, giữ theo quy Đ.

Tại bản Kết luận Đ giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 05/7/2023 của Hội đồng Đ giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND thành phố L, kết luận: 01 túi xách màu đen bằng vải loại có dây đeo, dây và túi liền nhau không bị tách rời, tình trạng đã qua sử dụng từ năm 2020 trị giá 80.000 đồng; 01 ví da nam màu nâu (mặt trước ghi H2 Wallet Fashion) tình trạng cũ đã qua sử dụng từ năm 2015 trị giá 40.000 đồng. Tổng giá trị tài sản cần Đ giá là 120.000 đồng.

Tại bản án số 33/2019/HSST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt Phạm Văn C 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy Đ tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đã áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy Đ tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với C. Tính đến thời điểm phạm tội lần này C chưa được xóa án tích nhưng lại phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của C thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”.

Vật chứng đã thu giữ, tạm giữ: 05 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (có số seri lần lượt là: EN 19126781, MJ 17042094, MH 16579749, TB 17389950, SQ 18684409); 01 túi xách màu đen bằng vải loại có dây đeo, dây và túi liền nhau không bị tách rời; 01 ví da màu nâu (mặt trước ghi H2 Wallet Fashion). Xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã trả lại toàn bộ vật chứng trên cho chị Điều Thị Đ.

Cáo trạng số 42/CT- VKSTP ngày 04/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố Phạm Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” quy Đ tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy Đ khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Điều Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, tài sản chị đã được Cơ quan điều tra trả lại và chị không yêu cầu bị cáo Phạm Văn C phải bồi thường gì thêm, nên không đặt vấn đề giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn C khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và không tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Định như sau:

[1] Về hành vi, quyết Định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết Định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai đã khai báo tại cơ quan điều tra về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, cũng như vật chứng thu giữ trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, khoảng 02 giờ 30 phút ngày 10/5/2023, tại phòng 301, tầng 3, nhà D, khoa nhi của Bệnh viện Đa khoa tỉnh L thuộc Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố L, tỉnh L, bị cáo Phạm Văn C đã lén lút lấy trộm 01 túi xách màu bằng vải đen trị giá 80.000 đồng của chị Điều Thị Đ, bên trong túi xách có 01 chiếc ví da màu nâu trị giá 40.000 đồng và số tiền 2.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo C chiếm đoạt của chị Đ là 2.620.000 đồng.

Tại bản án số 33/2019/HSST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy Định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đã áp dụng tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” quy Định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Tính đến thời điểm phạm tội lần này bị cáo chưa được xóa án tích nhưng lại phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”. Bị cáo Phạm Văn C là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo đã bất chấp các quy Định của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy Định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Điều luật quy Định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một

trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: [...]

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: [...]

g) Tái phạm nguy hiểm. [...]

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thì thấy:

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu đã từng có 03 tiền án chưa được xóa án tích: Bản án số 44/2018/HSST ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 33/2019/HSST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 20/2022/HS-ST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học cho bản thân, nhưng bị cáo lại bất chấp các quy định của pháp luật và lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa

cho thấy bị cáo nghề nghiệp là lao động tự do, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên toà bị hại chị Điều Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, tài sản chị đã được Cơ quan điều tra trả lại và chị không yêu cầu bị cáo Phạm Văn C phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án:

05 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (có số seri lần lượt là: EN 19126781, MJ 17042094, MH 16579749, TB 17389950, SQ 18684409); 01 túi xách màu đen bằng vải loại có dây đeo, dây và túi liền nhau không bị tách rời; 01 ví da màu nâu (mặt trước ghi H2 Wallet Fashion). Ngày 07/7/2023, Cơ quan điều tra Công an thành phố L đã ra Quyết Đ xử lý vật chứng, trả lại tài sản nói trên cho bị hại chị Điều Thị Đ. Xét thấy việc trao trả trên là đúng quy Đ của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[8] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[9] Vấn đề liên quan trong vụ án:

Từ năm 2016 đến nay, C đã cố ý thực hiện 05 lần phạm tội trộm cắp tài sản. Trong đó có 04 lần đã bị xét xử và chưa được xóa án tích. Quá trình điều tra xác Đ được C là lao động tự do, C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chủ yếu để chơi game chứ không lấy làm nguồn sống chính. Do đó C không phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

[10] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Phạm Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

[2] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2023.

[3] Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn C phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Công an TP L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THADS TP L;
- Sở Tư pháp tỉnh L;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga

